



TUYÊN BỐ ĐẦU RA CÁC NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-TM-ĐT ngày 15 tháng 1 năm 2009
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

I. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1.1. TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường đại học Thương mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khỏe tốt; hiểu biết rộng những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lý - kinh doanh; có kiến thức toàn diện về ngành Quản trị kinh doanh; nắm vững các kiến thức chuyên ngành theo học; đảm bảo những kỹ năng cốt lõi đối với nhà Quản trị kinh doanh và thành thạo các kỹ năng theo chuyên ngành đào tạo; đạt chuẩn chất lượng đầu ra và có năng lực cơ bản đảm nhiệm các chức năng quản trị; các quá trình kinh doanh thương mại chủ yếu của doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học thuộc các lĩnh vực thương mại hiện đại.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ hành vi); Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm việc tốt; làm việc được ở các bộ phận kinh doanh và quản trị phù hợp với mỗi chuyên ngành đào tạo ở các loại hình doanh nghiệp.

Thuộc ngành Quản trị kinh doanh; Trường đại học Thương mại đào tạo các chuyên ngành sau:

- (1) Quản trị doanh nghiệp thương mại;**
- (2) Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch;**
- (3) Marketing thương mại;**
- (4) Thương mại quốc tế;**
- (5) Quản trị thương mại điện tử;**
- (6) Quản trị nguồn nhân lực**

1.2 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI THUỘC NGÀNH QTKD; MÃ SỐ TM 404

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Quản trị doanh nghiệp thương mại** có Bằng Cử nhân *Quản trị kinh doanh*; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành QTKD và chuyên ngành đào tạo **Quản trị doanh nghiệp thương mại** bao gồm:

1.1. Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành *Quản trị kinh doanh* (Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2. Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế thương mại đại cương; Tổng quan kinh tế-xã hội Việt Nam; Các lực lượng môi trường vĩ mô quốc gia và quốc tế; Môi trường và thị trường cạnh tranh ngành kinh doanh của doanh nghiệp; Môi trường và thị trường cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp; Môi trường nội tại và chuẩn đoán doanh nghiệp; Nguyên lý kinh doanh hiện đại; Marketing căn bản; Nguyên lý quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nguyên lý tài chính - tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh doanh; Thương mại điện tử căn bản; Kinh doanh quốc tế đại cương;...*

1.3. Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về *Quản trị kinh doanh* gồm: *Quản trị chiến lược doanh nghiệp; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistic; Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý; Quản trị chất lượng; Quản trị th- -ng hi Ồu; PR; Marketing c, c nguồn nh Ồn lúc; Luật kinh doanh và thương mại;...*

1.4. Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về *Quản trị doanh nghiệp thương mại* bao gồm: *Kinh tế doanh nghiệp thương mại; dịch vụ; Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp thương mại; Quản trị rủi ro; Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế; Tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp thương mại; Quản trị dự án; Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quản trị công ty đa quốc gia; Quản trị văn phòng; Quản trị bán; Quản trị thương hiệu và PR; Tìm kiếm việc làm và tuyển dụng; Quản trị thời gian nhà quản trị;...*

1.5. Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành *Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh*.

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành **Quản trị kinh doanh** và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành **Quản trị doanh nghiệp thương mại**:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R & D giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp thương mại		
2	Hoạch định chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp		

3	Lập và triển khai các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp thương mại		
4	Hoạch định và triển khai tuyển dụng nhân lực của doanh nghiệp thương mại		
5	Lập và thẩm định cặp sản phẩm/ thị trường các dự án kinh doanh		
6	Hoạch định và triển khai các hệ thống và tác nghiệp bán hàng và dịch vụ thương mại của doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông quản trị doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn thái độ; hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của Bộ GD & ĐT ban hành):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (thang điểm 100)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa – xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phần; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ; hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016).

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng cử nhân QTKD; Chứng nhận Sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương mại

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thương mại của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1. Làm việc phù hợp và tốt (*đúng ngành; đúng nghề*)

- Bộ phận quản trị chiến lược; chính sách và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị dự án kinh doanh;
- Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực
- Bộ phận quản trị bán hàng
- Bộ phận quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại
- Bộ phận R&D các vấn đề của quản trị doanh nghiệp

4.2. Làm việc được (*đúng ngành*)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản trị kinh doanh khác (Marketing; logistic kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị chất lượng....) ở các doanh nghiệp.

4.3. Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.
- Các bộ phận R & D các vấn đề quản trị doanh nghiệp ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

1.3 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN; DU LỊCH THUỘC NGÀNH QTKD; MÃ SỐ TM 403

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch** có Bằng Cử nhân *Quản trị kinh doanh*; và có Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành QTKD và chuyên ngành đào tạo Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch bao gồm:

1.1. Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Quản trị kinh doanh (Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2. Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế thương mại đại cương; Tổng quan kinh tế-xã hội Việt Nam; Các lực lượng môi trường vĩ mô quốc gia và quốc tế; Môi trường và thị trường cạnh tranh ngành kinh doanh của doanh nghiệp; Môi trường và thị trường cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp; Môi trường nội tại và chuẩn đoán doanh nghiệp; Nguyên lý kinh doanh hiện đại: Marketing căn bản; Nguyên lý quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nguyên lý tài chính - tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh doanh; Thương mại điện tử căn bản; Kinh doanh quốc tế đại cương;...*

1.3. Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về Quản trị kinh doanh gồm: *Quản trị chiến lược doanh nghiệp; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistics; Tổng quan du lịch; Tổng quan về hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ; WTO - Tổ chức; các định chế; các cam kết và lộ trình thực hiện của Việt Nam; Luật doanh nghiệp và du lịch;...*

1.4. Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch bao gồm: *Kinh tế doanh nghiệp dịch vụ, du lịch; Quản trị chất lượng dịch vụ; Logistics kinh doanh du lịch; Quản trị kinh doanh dịch vụ; Tài nguyên du lịch và Cơ sở văn hóa Việt Nam; Quản trị logistic kinh doanh du lịch; Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch; Quản trị nghiệp vụ phục vụ khách sạn; Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống; Marketing du lịch; Hướng dẫn du lịch; Quản trị PR; Kinh doanh dịch vụ lữ hành và đại lý du lịch; Nghệ thuật tiếp thị du lịch;...*

1.5. Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh.

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Quản trị kinh doanh và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R & D giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch		
2	Hoạch định chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh của		

	doanh nghiệp		
3	Hoạch định và triển khai các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp du lịch		
4	Lập các chương trình marketing du lịch và quảng bá du lịch		
5	Hoạch định và đánh giá tour du lịch		
6	Thực hành các dịch vụ cơ bản của doanh nghiệp khách sạn		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông quản trị doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn thái độ; hành vi sau khi tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của Bộ GD & ĐT ban hành):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (thang điểm 100)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa – xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phần; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ; hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016).

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp khách sạn; du lịch của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1. Làm việc phù hợp và tốt (*đúng ngành; đúng nghề*)

- Bộ phận hoạch định chiến lược; chính sách và kế hoạch kinh doanh;
- Bộ phận quản trị dự án kinh doanh du lịch;
- Bộ phận quản trị tuyển dụng nhân lực doanh nghiệp du lịch;
- Bộ phận quản trị sản xuất; tác nghiệp bàn; buồng; bar; lễ tân; chế biến;
- Bộ phận quản trị điều hành tour du lịch;
- Bộ phận quản trị bán dịch vụ du lịch;
- Bộ phận quản trị khách hàng và marketing du lịch;
- Bộ phận quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn; du lịch;
- Bộ phận tổ chức lao động tác nghiệp;
- Các công việc R & D khác.

4.2. Làm việc được (*đúng ngành*)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực; quản trị tác nghiệp; quản trị tài chính kinh doanh;...) ở các doanh nghiệp.

4.3. Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.
- Các bộ phận R & D ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

1.4 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: MARKETING THƯƠNG MẠI THUỘC NGÀNH QTKD; MÃ SỐ TM 406

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Marketing thương mại** có Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành QTKD và chuyên ngành đào tạo marketing thương mại bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành QTKD (Ban hành kèm theo quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế và quản lý công; Kinh tế thương mại đại cương; Tổng quan kinh tế-xã hội Việt Nam; Kinh tế thương mại các nước ASEAN và thế giới; Các lực lượng môi trường vĩ mô quốc gia và quốc tế; môi trường và thị trường cạnh tranh ngành kinh doanh của DN; môi trường và thị trường cạnh tranh sản phẩm của DN; môi trường nội tại và chẩn đoán doanh nghiệp; Nguyên lý kinh doanh hiện đại: Marketing căn bản; Nguyên lý quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nguyên lý Tài chính - Tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh doanh; Thương mại điện tử căn bản; Kinh doanh quốc tế đại cương;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về QTKD gồm: *Kinh tế doanh nghiệp thương mại và dịch vụ; Quản trị chiến lược doanh nghiệp; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistics kinh doanh; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Tổng quan thương mại hàng hoá; dịch vụ; hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ; WTO- tổ chức; các định chế; các cam kết và lộ trình thực hiện của Việt Nam; Quản lý nhà nước về thương mại; Luật kinh doanh và thương mại;...*

1.4 Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về marketing gồm: *Hành vi khách hàng và tâm lý kinh doanh; Nghiên cứu marketing; Quản trị chiến lược marketing; Phân tích và ra các quyết định marketing sản phẩm; giá; phân phối; xúc tiến thương mại; Marketing quốc tế; Công nghệ marketing bán lẻ; bán buôn; xuất khẩu; Tình huống và thực hành marketing thương mại; Logistics và quản trị hệ thống phân phối hiện đại; Marketing dịch vụ; Quản trị bán hàng và dịch vụ thương mại; Quản trị chất lượng; Quản trị thương hiệu; PR; Marketing các nguồn nhân lực;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành QTKD và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Marketing thương mại:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn kỹ cơ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề marketing kinh doanh		
2	Hoạch định chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh của DN		
3	Nghiên cứu và điều tra marketing (thị trường và khách hàng)		
4	Phân tích; lập chương trình marketing và xây dựng; quảng bá thương hiệu SP&DN		
5	Hoạch định hệ thống phân phối và kế hoạch hoạt động logistics của DN		
6	Xây dựng chương trình đảm bảo chất lượng theo ISO.9000; ISO.14000; HACCP của DN		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông marketing kinh doanh		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường:	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khoá học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (*vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành*):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)
1	ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi	15/25

	trường GD&ĐT trong nhà trường	
3	ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – văn hoá - xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phân; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng Cử nhân QTKD; Chúng nhận Sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Marketing thương mại; Chúng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường đại học Thương mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Marketing thương mại của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

- Bộ phận quản trị chiến lược; chính sách và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị phát triển thị trường; khách hàng;
- Bộ phận quản trị phát triển; thử nghiệm và đánh giá sản phẩm; dịch vụ thương mại;
- Bộ phận quản trị hệ thống (kênh và mạng) phân phối;
- Bộ phận quản trị xúc tiến thương mại; đầu tư;
- Bộ phận quản trị bán hàng (bán buôn; bán lẻ; xuất nhập khẩu) và dịch vụ khách hàng;
- Bộ phận quản trị logistics đầu vào và đầu ra của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị chất lượng; thương hiệu và PR;
- Các công việc R&D khác.

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực; quản trị tác nghiệp; quản trị tài chính kinh doanh; ...) ở các doanh nghiệp

4.3 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hoá; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh
- Các bộ phận R&D marketing ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

1.5 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THUỘC NGÀNH QTKD; MÃ SỐ TM 405

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Thương mại quốc tế** có *Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh* và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra như sau:

1. Đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học theo ngành QTKD và chuyên ngành đào tạo Thương mại quốc tế bao gồm:

1.1. Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành QTKD(Ban hành kèm theo quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2. Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế và quản lý công; Kinh tế thương mại đại cương; Tổng quan kinh tế-xã hội Việt Nam; Kinh tế thương mại các nước ASEAN và thế giới; Các lực lượng môi trường vĩ mô quốc gia và quốc tế; môi trường cạnh tranh ngành kinh doanh của doanh nghiệp; môi trường và thị trường cạnh tranh sản phẩm của DN; môi trường nội tại và chẩn đoán doanh nghiệp; Nguyên lý kinh doanh hiện đại-Marketing căn bản; Nguyên lý quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nguyên lý Tài chính-Tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh doanh; Thương mại điện tử căn bản; Kinh doanh quốc tế đại cương;...*

1.3. Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về QTKD gồm: *Kinh tế doanh nghiệp thương mại và dịch vụ; Quản trị chiến lược doanh nghiệp; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistic kinh doanh; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Tổng quan thương mại hàng hoá; dịch vụ; hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ; WTO-tổ chức; các định chế; các cam kết và lộ trình thực hiện của Việt nam; Quản lý nhà nước về thương mại;...*

1.4. Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Thương mại quốc tế gồm: *Chiến lược kinh doanh quốc tế; Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế; Quản trị marketing quốc tế; Quản trị tài chính quốc tế; Quản trị vận chuyển trong thương mại quốc tế; Quản trị rủi ro trong thương mại quốc tế; Thanh toán và tín dụng quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quảng cáo xúc tiến thương mại quốc tế và PR; TQM trong thương mại quốc tế; Luật thương mại Việt Nam và quốc tế;...*

1.5. Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý- Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành QTKD và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại quốc tế:

	Các tiêu chí kỹ năng	Điểm (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn cốt kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề thương mại quốc tế của doanh nghiệp.		

2	Hoạch định chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp		
3	Kỹ năng nghiên cứu; đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing XNK hàng hóa của doanh nghiệp		
4	Kỹ năng giao dịch; soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa.		
5	Kỹ năng lập chương trình vượt các rào cản thuế quan và tài chính quốc tế trong xuất nhập khẩu hàng hóa.		
6	Kỹ năng xây dựng các chương trình vượt rào cản kỹ thuật trong xuất nhập khẩu hàng hóa		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông thương mại quốc tế		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
8	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt tiêu chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
9	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chuẩn kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có một tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để đạt chuẩn thái độ hành vi sau khi tốt nghiệp; trong thời gian khóa; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành)

Các tiêu chí cơ bản		Điểm (Thang 100 điểm)
1	ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị- văn hóa- xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phần; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác của trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100(đến 2012); 70/100(đến 2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng cử nhân QTKD; Chứng nhận Sở học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào

tạo của chuyên ngành Thương mại quốc tế; Chúng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương mại

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Thương mại quốc tế của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1. Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

- Bộ phận quản trị chiến lược; chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế;
- Bộ phận quản trị chất lượng; thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp XNK;
- Bộ phận quản trị phát triển thị trường; đối tác và khách hàng xuất; nhập khẩu;
- Bộ phận quản trị phát triển; thử nghiệm và đánh giá sản phẩm; dịch vụ xuất; nhập khẩu;
- Bộ phận quản trị kênh và mạng lưới phân phối xuất; nhập khẩu;
- Bộ phận quản trị xúc tiến thương mại; đầu tư xuất; nhập khẩu;
- Bộ phận quản trị tác nghiệp xuất; nhập khẩu (giao dịch; ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng xuất; nhập khẩu);
- Bộ phận quản trị logistic vượt rào cản phi thuế trong xuất; nhập khẩu;
- Bộ phận quản trị tài chính; vượt rào cản thuế quan; chống bán phá giá; trợ cấp; tự vệ trong thương mại quốc tế.
- Các công việc R&D xuất; nhập khẩu khác.

4.2. Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực; quản trị tác nghiệp; quản trị tài chính kinh doanh;...) ở các doanh nghiệp.

4.3. Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ
- Các bộ phận quản trị và hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh
- Các bộ phận R&D thương mại quốc tế ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

1.6 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THUỘC NGÀNH QTKD MÃ SỐ TM 407

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Quản trị thương mại điện tử** có bằng *Cử nhân* Quản trị kinh doanh; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học theo ngành QTKD và chuyên ngành đào tạo Quản trị thương mại điện tử; bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Quản trị kinh doanh (Ban hành kèm theo quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô; Kinh tế môi trường; Kinh tế thương mại đại cương; WTO và phát triển thương mại Việt Nam; Nguyên lý kinh doanh hiện đại: Marketing căn bản; Quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nhập môn Tài chính-Tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh tế; Thương mại điện tử căn bản; Hệ thống thông tin quản trị;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về Quản trị kinh doanh; gồm: *Quản trị chiến lược doanh nghiệp; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistics kinh doanh; Tổng quan thương mại dịch vụ; Tổng quan thương mại các hoạt động sở hữu trí tuệ; Quản trị tri thức; Quản trị công nghệ;...*

1.4 Có kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị thương mại điện tử gồm: *Môi trường và chiến lược TMĐT của DN; Marketing TMĐT; Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C; Logistics kinh doanh TMĐT; Thanh toán trong TMĐT; Pháp luật TMĐT; Thiết kế và triển khai website TMĐT; Phát triển hệ thống TMĐT căn bản; Quản trị dự án TMĐT; An toàn dữ liệu trong TMĐT; Quản lý nhà nước về TMĐT; Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT; Quản trị rủi ro trong TMĐT; Quản trị thương hiệu điện tử;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản trị kinh doanh.

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành QTKD và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang điểm 100)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề TMĐT		
2	Hoạch định chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp		
3	Hoạch định và triển khai hệ thống TMĐT cơ bản của doanh nghiệp		
4	Hoạch định và triển khai các chương trình marketing và xây dựng thương hiệu điện tử của doanh nghiệp		

5	Hoạch định và triển khai các website marketing của doanh nghiệp		
6	Sử dụng và khai thác các phần mềm tác nghiệp B2B; B2C phổ biến		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông TMĐT của doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng công cụ :			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC)	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học; trong đó không có một tiêu chí nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của Bộ GD&ĐT ban hành):

<i>Các tiêu chí cơ bản</i>		<i>Điểm chuẩn (Thang điểm 100)</i>
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị-văn hóa-xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (trong lớp hành chính; lớp học phần; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và các tổ chức khác trong trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012) ; 70/100 (đến 2016).

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp bằng cử nhân Quản trị kinh doanh; chứng nhận Số học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử; chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử của Trường Đại học Thương mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề) với tư cách là cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp lớn có các hệ thống thương mại điện tử bậc cao; phức tạp; hoặc cán bộ quản trị ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp; như:

1. Bộ phận quản trị chiến lược; chính sách; kế hoạch kinh doanh có liên quan đến TMĐT;
2. Bộ phận quản trị dự án TMĐT;
3. Bộ phận quản trị hệ thống thông tin TMĐT của doanh nghiệp;
4. Bộ phận quản trị hoạt động B2C; B2B;
5. Bộ phận quản trị Website của doanh nghiệp;
6. Bộ phận quản trị marketing và CRM thương mại điện tử
7. Bộ phận quản trị logistics và dịch vụ chăm sóc khách hàng;
8. Bộ phận quản trị thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác;
9. Bộ phận truyền thông kinh doanh trực tuyến;

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực; quản trị tác nghiệp; quản trị tài chính kinh doanh...) ở các doanh nghiệp

4.3 Các loại hình tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ có ứng dụng TMĐT;

- Các bộ phận quản trị thương mại điện tử ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh.

- Các bộ phận R&D thương mại điện tử ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.

- Các bộ phận có liên quan đến quản lý nhà nước về thương mại điện tử ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

II. NGÀNH KINH TẾ

2.1. TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế của Trường đại học Thương mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khoẻ tốt; có hiểu biết rộng những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về kinh doanh - quản lý – kinh tế; có kiến thức toàn diện về ngành kinh tế; nắm vững các kiến thức chuyên ngành kinh tế thương mại và thị trường; đảm bảo những kỹ năng cốt lõi đối với nhà kinh tế và thành thạo các kỹ năng chuyên ngành kinh tế thương mại đạt chuẩn đầu ra và có năng lực cơ bản đảm nhiệm cao chức năng kinh tế; các quá trình quản lý kinh tế thương mại chủ yếu của các lĩnh vực; các ngành; các doanh nghiệp kinh doanh thương mại hàng hoá; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ hiện đại;

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ hành vi); Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và Bằng Cử nhân Kinh tế có thể làm việc tốt; làm việc được ở các bộ phận chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế thị trường hoặc ở bộ phận quản lý kinh tế của các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

Thuộc ngành **Kinh tế**: Trường đại học Thương mại đào tạo chuyên ngành **Kinh tế thương mại**

2.2 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ THƯƠNG MẠI THUỘC NGÀNH KINH TẾ; MÃ SỐ TM401

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Kinh tế thương mại** có bằng *Cử nhân Kinh tế*; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành Kinh tế và chuyên ngành đào tạo Kinh tế thương mại; bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn mực chương trình đào tạo Quốc gia ngành kinh tế (*ban hành kèm theo quyết định số 23/2004/QĐ –BGD&ĐT ngày 29/7/2004*) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô 1; Kinh tế học vĩ mô 1; Lịch sử các học thuyết kinh tế; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Lịch sử kinh tế Việt Nam và thế giới; Nguyên lý thống kê kinh tế; Nguyên lý kế toán; Kiểm toán căn bản; Marketing căn bản; Nguyên lý Tài chính-tiền tệ; Kinh tế lượng; Kinh tế thương mại đại cương; Quản trị học;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về ngành Kinh tế gồm: *Kinh tế vi mô 2; Kinh tế vĩ mô 2; Kinh tế phát triển; Kinh tế môi trường; Kinh tế quốc tế; Kinh tế nguồn nhân lực; Kinh tế dịch vụ; Kinh tế công; Kinh tế học quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý; Thị trường tài chính; Thị trường chứng khoán; Tổng quan thương mại hàng hoá; dịch vụ; Tổng quan thương mại các hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ; Khoa học quản lý;...*

1.4 Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về chuyên ngành Kinh tế thương mại gồm: *Kinh tế thương mại Việt Nam; Quản lý nhà nước về thương mại; Kinh tế doanh nghiệp thương mại; dịch vụ; Chiến lược và chính sách thương mại; Kinh tế thương mại ASEAN; Kinh tế dịch vụ du lịch; Thông tin thương mại; thị trường; Xúc tiến thương mại vĩ mô; WTO và phát triển thương mại Việt Nam; Quản trị chiến lược; Quản trị kênh phân phối; Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị kinh doanh dịch vụ; Quản lý nguồn nhân lực;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường trực thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý – Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn về các kỹ năng bao gồm:

Các tiêu chuẩn kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết vấn đề kinh tế thị trường và thương mại;		
2	Sử dụng phần mềm STRATA và mô hình kinh tế lượng trong phân tích dữ liệu kinh tế thương mại;		
3	Phân tích; dự báo thị trường và thương mại;		

4	Phân tích; hoạch định chiến lược; chính sách quản lý nhà nước về phát triển thương mại;		
5	Phân tích; lập dự án; chương trình phát triển hệ thống phân phối và kết cấu hạ tầng thương mại;		
6	Lập dự án đăng ký thành lập doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa;		
Các kỹ năng cơ bản về phương pháp công tác:		65	70
7	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông kinh tế thương mại;		
8	Làm việc theo nhóm		
Kỹ năng công cụ chủ yếu:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC;	70	75
10	Kỹ năng tin học (sử dụng máy tính; các phần mềm thông dụng) theo chuẩn chung của trường;	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi:

Đề chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị-văn hóa-xã hội	15/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork) trong lớp hành chính; lớp học phân; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng cử nhân Kinh tế; Chứng nhận sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Kinh tế thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương Mại.

4. Cơ hội nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Kinh tế thương mại của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

ở mức các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động công thương và tổ chức xã hội:

- Bộ phận hoạch định; tổ chức và kiểm tra chiến lược; chính sách; quy hoạch; kế hoạch phát triển thị trường và thương mại (nội địa; quốc tế)
- Bộ phận triển khai; theo dõi; thực thi pháp luật và chính sách riêng của kinh tế và thương mại
- Bộ phận triển khai; theo dõi; thực thi hội nhập kinh tế và thương mại quốc tế
- Bộ phận triển khai hoạt động xúc tiến thương mại; đầu tư; du lịch vĩ mô
- Bộ phận quản lý đăng ký kinh doanh và theo dõi hoạt động kinh tế doanh nghiệp theo địa bàn và theo ngành kinh doanh
- Bộ phận quản lý thị trường các địa bàn; địa phương

ở mức quản lý kinh tế thương mại các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế

- Bộ phận hoạch định chiến lược; chính sách thị trường và thương mại của doanh nghiệp;
- Bộ phận kiểm tra; kiểm soát thuộc HĐQT các công ty
- Bộ phận phát triển kinh tế; phát triển đầu tư; cơ sở vật chất; kết cấu hạ tầng thương mại;
- Bộ phận quy hoạch; kế hoạch tăng trưởng và phát triển mạng lưới phân phối và hoạt động thương mại của doanh nghiệp;
- Các công việc R&D kinh tế và quản lý khác của doanh nghiệp
- Các công việc R&D kinh tế và quản lý khác của tổ chức/doanh nghiệp

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng khác có liên quan đến kinh tế thương mại ở các tổ chức/doanh nghiệp

4.3 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hoá; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận hoạt động thương mại ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh
- Các bộ phận có liên quan đến kinh tế thương mại ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.

III. NGÀNH KẾ TOÁN

3.1. TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán của Trường Đại học Thương Mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khỏe tốt ; hiểu biết rộng những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lý – kinh doanh; có kiến thức toàn diện về ngành kế toán; nắm vững các kiến thức chuyên ngành Kế toán tài chính doanh nghiệp Thương mại; đảm bảo những kỹ năng cốt lõi đối với nhà kế toán và thành thạo các kỹ năng theo chuyên ngành đào tạo; đạt chuẩn chất lượng đầu ra và có năng lực cơ bản đảm nhiệm các chức năng kế toán; tài chính các quá trình hạch toán kế toán và nghiệp vụ tài chính thương mại chủ yếu của doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học thuộc các lĩnh vực thương mại hiện đại.

Sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ hành vi); chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và *Bằng cử nhân kế toán* có thể làm việc tốt; làm việc được ở các bộ phận kế toán; tài chính phù hợp với chuyên ngành đào tạo ở các loại hình doanh nghiệp.

Thuộc ngành **Kế toán**: Trường đại học Thương mại đào tạo chuyên ngành **Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại**

**3.2 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CỦA CHUYÊN NGÀNH:
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI
THUỘC NGÀNH KẾ TOÁN; MÃ SỐ TM402**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại** có *Bằng cử nhân* kế toán; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ Đại học theo ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn mực chương trình đào tạo Quốc gia ngành kế toán (ban hành kèm theo quyết định số 23/2004/QĐ –BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học phát triển; Kinh tế học môi trường; xã hội học đại cương; WTO- Tổ chức và các định chế cơ bản; Marketing căn bản; Thương mại điện tử căn bản; Luật kinh tế; thương mại và kế toán; Quản trị học; quản trị chiến lược; Quản trị chất lượng; Tổng quan thương mại hàng hoá; dịch vụ; Hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ; Kinh tế doanh nghiệp thương mại dịch vụ;; Nhập môn tài chính – tiền tệ 1.2&1.2; Nguyên lý thống kê kinh tế;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về ngành chính kế toán và ngành phụ Tài chính-Ngân hàng gồm: *Nguyên lý kế toán; Kế toán tài chính 1&2; Kế toán quản trị; Kiểm toán căn bản; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích kinh tế doanh nghiệp thương mại; Thị trường chứng khoán; Thống kê thương mại; Hệ thống thông tin kế toán; Lập báo cáo tài chính doanh nghiệp;...*

1.4 Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại gồm: *Kế toán doanh nghiệp thương mại; dịch vụ; Kế toán môi trường; Kế toán với ngân hàng của doanh nghiệp; Kế toán điều tra; Kế toán chi phí; Kế toán thuế; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán quốc tế; Kiểm toán tài chính; Kiểm toán nội bộ; Định giá và thẩm định giá trị doanh nghiệp; Quản trị tài chính; Thanh toán và tín dụng quốc tế; Quản trị rủi ro trong đầu tư tài chính và chứng khoán; Kế toán công ty liên doanh; Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế toán trên máy vi tính;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường trực thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý – Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành kế toán và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Thực hành các phần hành kế toán tài chính các hoạt động thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.		
2	Hoạch định; tổ chức công tác kế toán và kế toán tổng hợp các		

	doanh nghiệp nhỏ và vừa.		
3	Phân tích và hoạch định các chương trình kế toán quản trị và kiểm toán nội bộ.		
4	Phân tích và lập các kế hoạch tài chính; các báo cáo tài chính doanh nghiệp.		
5	Phân tích kinh tế thương mại của doanh nghiệp		
6	Sử dụng các phần mềm thông dụng và thực hành kế toán trên máy vi tính.		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông kế toán-tài chính DN		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa – xã hội	15/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork) trong lớp hành chính; lớp học phần; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng cử nhân Kế toán; Chứng nhận sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương Mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại của Trường Đại học Thương Mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

- Bộ phận kế toán tài chính các hoạt động thương mại hàng hóa; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Bộ phận kế toán quản trị của doanh nghiệp.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ doanh nghiệp.
- Bộ phận tài chính doanh nghiệp.
- Bộ phận phân tích kế toán thương mại của doanh nghiệp.
- Các công việc R&D khác.

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng của kế toán (kế toán sản xuất công nghiệp; kế toán xây lắp) ở các doanh nghiệp.

4.3 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp.

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận kế toán ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh.
- Các bộ phận kế toán ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
- Các bộ phận có liên quan đến quản lý kế toán tài chính ở các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp .

IV. NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

4.1 TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Thương mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lí - kinh doanh; có kiến thức toàn diện về ngành tài chính - ngân hàng; nắm vững các kiến thức chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại; đảm bảo những kĩ năng cốt lõi của nhà quản lí tài chính - ngân hàng; thành thạo các kĩ năng theo chuyên ngành đào tạo; đạt chuẩn chất lượng đầu ra; có năng lực cơ bản trong nghiên cứu; hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

Sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính - ngân hàng được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ; hành vi); Chứng chỉ đạt chuẩn kĩ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và *Bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng* có thể làm việc tốt; làm việc được ở các cơ quan tài chính; ngân hàng trung ương; địa phương hoặc doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Thuộc ngành Tài chính –Ngân hàng: Trường đại học Thương mại đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại

**4.2 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CỦA CHUYÊN NGÀNH:
TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
THUỘC NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG; MÃ SỐ TM408**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Tài chính - Ngân hàng thương mại** có bằng Cử nhân Tài chính-Ngân hàng; có Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:.

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Tài chính-Ngân hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng.

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền kinh tế; quản lí và kinh doanh bao gồm: *Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế thương mại đại cương; Marketing căn bản; Quản trị căn bản; Quản trị chiến lược; Nguyên lí kế toán; Nguyên lí thống kê; WTO tổ chức và các định chế cơ bản;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về tài chính - ngân hàng gồm: *Nhập môn tài chính tiền tệ; Quản trị tài chính; Tài chính công; Tài chính quốc tế; Quản trị tác nghiệp Ngân hàng thương mại; Quản lí các tổ chức tài chính phi ngân hàng; Hệ thống thông tin ngân hàng thương mại; Kinh tế bảo hiểm; Pháp luật về tài chính; ngân hàng và bảo hiểm;...*

1.4 Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về tài chính - ngân hàng thương mại gồm: *Tài chính doanh nghiệp; Tài chính doanh nghiệp thương mại; Tài chính kinh doanh bất động sản; Marketing ngân hàng; Thị trường kì hạn; Tài trợ xuất nhập khẩu; Thanh toán và Tín dụng quốc tế; Thị trường chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh vàng bạc đá quý; Định giá và thẩm định giá trị doanh nghiệp; Kế toán Ngân hàng; Quản trị chất lượng các dịch vụ ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lí - Kinh doanh.

2. Đạt chuẩn các kĩ năng chung căn bản của ngành TC-NH và kĩ năng chuyên sâu của chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại

Các tiêu chí kĩ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kĩ năng chuyên môn:		65	70
1	Lập và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp và kinh doanh các công cụ tài chính		
2	Hoạch định và triển khai chính sách; kế hoạch tài chính thương mại của doanh nghiệp và kinh doanh dịch vụ ở các tổ chức tín dụng		
3	Hoạch định; triển khai thẩm định tài chính các dự án vay vốn của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác		
4	Hoạch định; triển khai các nghiệp vụ cơ bản và các chương trình phát		

	triển kinh doanh dịch vụ ngân hàng		
5	Phân tích; triển khai các tác nghiệp môi giới đầu tư chứng khoán		
6	Lập; triển khai các chương trình marketing dịch vụ ngân hàng và phát triển khách hàng của ngân hàng thương mại		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông kinh doanh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp chứng chỉ đạt kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (*vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành*):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong các lớp hành chính; lớp học phần; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp bằng cử nhân Tài chính - Ngân hàng; Chứng nhận Sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường Đại học Thương mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của trường Đại học Thương mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

- Bộ phận quản lý tài chính của các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế;
- Bộ phận tín dụng; thanh toán; marketing; kinh doanh ngoại hối và quan hệ khách hàng... trong các ngân hàng thương mại; công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính; quỹ tín dụng;
- Bộ phận môi giới; tư vấn; phân tích trong các công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ;
- Bộ phận nghiên cứu tài chính; ngân hàng và chứng khoán ở các viện; các cơ quan quản lý nhà nước;
- Cán bộ giảng dạy tài chính; ngân hàng và chứng khoán ở các trường đại học; học viện.

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận Tài chính công; Tài chính đơn vị sự nghiệp; Bảo hiểm...

4.3 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa; dịch vụ; đầu tư;
- Ngân hàng thương mại; công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính; quỹ tín dụng thuộc mọi hình thức sở hữu (nhà nước; cổ phần; liên doanh và chi nhánh nước ngoài);
- Các công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư;
- Các cơ quan quản lý nhà nước; viện nghiên cứu về lĩnh vực tài chính; ngân hàng và chứng khoán;
- Các trường; học viện; trung tâm đào tạo về tài chính; ngân hàng và chứng khoán.

V. NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ

5.1 TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin kinh tế của Trường Đại học Thương mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khoẻ tốt; hiểu biết rộng những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về toán – tin; kinh tế - quản lý – kinh doanh; có kiến thức toàn diện về ngành HTTT kinh tế; nắm vững các kiến thức chuyên ngành Quản trị HTTT thị trường và thương mại; đảm bảo những kỹ năng cốt lõi đối với nhà quản trị quản trị thông tin kinh tế và kinh doanh và thành thạo các kỹ năng chuyên ngành Quản trị HTTT thị trường và thương mại; đạt chuẩn chất lượng đầu ra và có năng lực cơ bản đảm nhiệm các chức năng quản trị hệ thống thông tin; các quá trình đảm bảo thông tin phục vụ ra các quyết định thị trường chủ yếu của doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học cho các lĩnh vực thương mại hiện đại.

Sinh viên tốt nghiệp ngành HTTT kinh tế được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ hành vi); Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và Bằng Cử nhân Hệ thống thông tin kinh tế có thể làm việc tốt; làm việc được ở các bộ phận công nghệ và quản lý thông tin phục vụ quản lý và kinh doanh phù hợp trong các tổ chức kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

Thuộc ngành Hệ thống thông tin kinh tế: Trường đại học Thương mại đào tạo chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại

5.2 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHO CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ THƯƠNG MẠI THUỘC NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH TẾ; MÃ SỐ 409

Sinh viên tốt nghiệp Chuyên ngành **Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại** có *Bằng Cử nhân* ngành Hệ thống thông tin kinh tế; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học theo ngành Hệ thống thông tin kinh tế và chuyên ngành đào tạo Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại; bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Hệ thống thông tin kinh tế (Ban hành theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 1 và 2 theo chuẩn TOEIC; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền toán –tin; kinh tế; quản lý và kinh doanh bao gồm: *Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Tin học căn bản; Kinh tế lượng; Các phương pháp toán kinh tế; Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học phát triển; Kinh tế học môi trường; Kinh tế và quản lý công; Kinh tế thương mại; Kinh tế-xã hội Việt Nam; Kinh tế khu vực ASEAN và thế giới; Nguyên lý kinh doanh hiện đại- Marketing căn bản; Nguyên lý quản trị học; Nguyên lý kế toán; Nguyên lý Tài chính-Tiền tệ; Nguyên lý thống kê kinh tế; Quản trị tri thức; Quản trị công nghệ; Thông tin thị trường và thương mại;...*

1.3. Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về hệ thống thông tin kinh tế gồm: *Hệ thống thông tin quản lý; Cấu trúc máy tính và hệ điều hành; Cơ sở lập trình; Cơ sở dữ liệu; Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; Mạng và truyền thông; Công nghệ phần mềm; Quản trị chiến lược; Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp; Cấu trúc và hoạch định cơ sở dữ liệu thị trường và thương mại của doanh nghiệp; Quản trị marketing kinh doanh; Quản trị logistic kinh doanh; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Tổng quan thương mại hàng hoá; Tổng quan thương mại dịch vụ; Tổng quan thương mại hoạt động sở hữu trí tuệ; Quản lý nhà nước về thương mại; Thương mại điện tử căn bản; Phân tích và thiết kế hệ thống;...*

1.4. Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại gồm: *Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp; Cấu trúc và hoạch định cơ sở dữ liệu thị trường và thương mại của doanh nghiệp; Tổ chức hệ thống thông tin thị trường và thương mại vĩ mô; Lập trình nâng cao; Phân tích và dự báo phát triển thị trường và thương mại; Phát triển hệ thống thông tin thị trường và thương mại của doanh nghiệp; An toàn và bảo mật thông tin doanh nghiệp; Hệ thống thông tin quản trị thương mại điện tử; Hệ thống thông tin marketing; Hệ thống thông tin kế toán; Hệ thống thông tin chứng khoán; Hệ thống thông tin ngân hàng thương mại; Quản trị các tổ chức dịch vụ thông tin thị trường và thương mại; Quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;....*

1.5. Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý - Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành CNTT kinh tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị CNTT thị trường và thương mại:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn các kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Kỹ năng lập các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin và mạng thông tin doanh nghiệp		
2	Kỹ năng hoạch định CNTT quản lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa		
3	Kỹ năng hoạch định và tổ chức hệ cơ sở dữ liệu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho dự báo thị trường và thương mại		
4	Kỹ năng khai thác và chia sẻ thông tin thị trường và thương mại trên mạng Internet phục vụ quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp		
5	Kỹ năng cài đặt; sử dụng và phát triển các phần mềm chuyên dụng trong triển khai thương mại điện tử của doanh nghiệp		
6	Kỹ năng lập phương án bảo mật và an toàn CNTT doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Kỹ năng làm báo cáo; trình diễn và truyền thông kinh doanh		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Tiếng Anh (Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC	70	75
10	Lập được các phần mềm chuyên dụng và phát triển các phần mềm trọn gói phục vụ cho quản lý	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có một tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng theo từng tiêu chí 9; 10 với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng của Trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khóa học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (*vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành*):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang điểm 100)
1	Ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	Ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa – xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phân; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường)	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt **chuẩn chất lượng** sẽ được cấp Bằng Cử nhân HTTT kinh tế; Chứng nhận Sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của chuyên ngành Quản trị HTTT thị trường và thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường Đại học Thương mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

◆ Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản trị HTTT thị trường và thương mại của Trường Đại học Thương mại có thể:

4.1. Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề): Cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp lớn có các hệ thống thông tin kinh tế đã được thiết lập; hoặc cán bộ quản trị ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thông tin thị trường và thương mại của doanh nghiệp; như:

- Bộ phận quản trị mạng máy tính;
- Bộ phận quản trị dự án phát triển hệ thống thông tin;
- Bộ phận quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp;
- Bộ phận quản trị Website của doanh nghiệp;
- Bộ phận truyền thông kinh doanh trực tuyến;
- Các công việc R&D khác.

4.2. Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng; quá trình quản lý khác ở các doanh nghiệp.

4.3. Các loại hình và tổ chức có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

◆ Bộ phận quản trị thông tin; hệ thống thông tin; bộ phận marketing của các doanh nghiệp TMĐT và doanh nghiệp tích hợp thương mại truyền thống và TMĐT kinh doanh hàng hóa; dịch vụ.

◆ Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về thương mại; cụ thể: Làm việc chính ở các phòng quản lý CNTT và TMĐT của các Sở Công Thương hoặc UBND quận; huyện; các bộ phận chức năng của Cục TMĐT và CNTT; Bộ Công Thương; Cục hoặc Trung tâm thông tin Bộ kế hoạch đầu tư và các Bộ; ngành khác.

◆ Các tổ chức nghiên cứu; giảng dạy Tin học; hệ thống thông tin kinh tế và quản lý tại các viện nghiên cứu; các trường đại học; cao đẳng; trung học chuyên nghiệp thuộc khối ngành Kinh tế- Quản trị kinh doanh.

VI. NGÀNH TIẾNG ANH

6.1 TUYÊN BỐ CHUNG ĐẦU RA NGÀNH TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh của Trường đại học Thương mại có phẩm chất chính trị; đạo đức và sức khỏe tốt; hiểu biết rộng những kiến thức cơ bản; cơ sở và bổ trợ về ngôn ngữ Anh - Việt và kinh tế; kinh doanh; có kiến thức toàn diện về ngành tiếng Anh; nắm vững các kiến thức chuyên ngành Tiếng Anh thương mại; đảm bảo những kỹ năng cốt lõi đối với chuyên gia ngôn ngữ tiếng Anh và thành thạo các kỹ năng vận dụng theo các chuyên ngành đào tạo; đạt chuẩn chất lượng đầu ra và có năng lực cơ bản đảm nhiệm các nhiệm vụ quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh của các tổ chức và doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học tiếng Anh chuyên ngành cho các lĩnh vực thương mại hiện đại.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Anh được cấp Sổ học tập (chứng nhận đạt chuẩn kiến thức; chuẩn thái độ; hành vi); Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng (chuyên môn; phương pháp; công cụ) và Bằng Cử nhân Tiếng Anh có thể làm việc tốt; làm việc được ở các bộ phận phù hợp với mỗi chuyên ngành đào tạo ở các loại hình tổ chức và doanh nghiệp.

Thuộc ngành Tiếng Anh: Trường đại học Thương mại đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh thương mại

**6.1 TUYÊN BỐ ĐẦU RA CHO CHUYÊN NGÀNH:
TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI THUỘC NGÀNH TIẾNG ANH
MÃ SỐ TM701**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành **Tiếng Anh thương mại** có Bằng *Cử nhân* Tiếng Anh; và có *Chứng chỉ* đạt chuẩn kỹ năng sẽ đảm bảo chuẩn chất lượng đầu ra sau:

1. Đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học theo ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

1.1 Đảm bảo nền kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Tiếng Anh (Ban hành kèm theo quyết định số 36/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/10/2004) và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ 2 theo chuẩn tương ứng; kiến thức tin học căn bản và ứng dụng;

1.2 Có kiến thức đủ rộng về nền ngôn ngữ; văn hoá; kinh tế - xã hội tiếng Việt và tiếng Anh bao gồm: *Nhập môn tiếng Anh; Tiếng Việt; Dẫn luận ngôn ngữ học; Ngôn ngữ học đối chiếu; Ngữ âm - Âm vị học; Ngữ nghĩa học; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Văn hoá Anh; Văn hoá Mỹ; Văn học Việt Nam; Văn học Anh - Mỹ; Giao thoa văn hoá; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế học vi mô; Kinh tế thương mại; dịch vụ; WTO-Tổ chức và định chế;...*

1.3 Đảm bảo kiến thức căn bản; cập nhật và phát triển về các kỹ năng tiếng Anh và QTKD thương mại gồm: *Các kỹ năng nghe; nói; đọc; viết tiếng Anh căn bản; Fundamental Management; Basic Marketing; Managerial Economics; Nguyên lý kế toán; Nhập môn tài chính - tiền tệ; Quản trị chiến lược; Quản trị nhân lực; Quản trị chất lượng; Thị trường tài chính toàn cầu;...*

1.4 Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về tiếng Anh thương mại gồm: *Các kỹ năng tiếng Anh thương mại; Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao; Biên dịch; Phiên dịch Anh - Việt; Việt - Anh; International Marketing; Financial Management; Business Operational Management in International Trade; International Trade Promotion and Advertising; International Business Strategies; International Credits and Payment; Multinational Company Management;...*

1.5 Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh;

2. Đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Tiếng Anh và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Tiếng Anh thương mại:

Các tiêu chí kỹ năng		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)	
		Đến 2012	Đến 2016
Chuẩn kỹ năng chuyên môn:		65	70
1	Kỹ năng tiếng Anh căn bản và thương mại (nghe; nói; đọc; viết)		
2	Giao tiếp và truyền thông kinh doanh với các chuyên gia và đối tác bằng tiếng Anh		
3	Phân tích và lập kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề về quản trị thương mại quốc tế của doanh nghiệp		

4	Phiên dịch trong đàm phán và soạn thảo các hợp đồng thương mại bằng tiếng Anh		
5	Biên dịch các văn bản; tài liệu thương mại phục vụ quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp		
6	Hoạch định và triển khai kế hoạch; chương trình kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp		
Chuẩn kỹ năng phương pháp công tác:		65	70
7	Làm việc theo nhóm (Team Work)		
8	Làm báo cáo; trình diễn và truyền thông các vấn đề quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp bằng tiếng Anh		
Chuẩn kỹ năng công cụ:			
9	Đọc; viết; dịch căn bản các tài liệu thương mại bằng ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp; Trung) đạt chuẩn tương đương TCF 200-299 điểm / DELF A2 đối với tiếng Pháp; HSK cấp 3 đối với tiếng Trung	70	75
10	Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường:	70	75

Lưu ý: Tính điểm chuẩn kỹ năng theo nguyên tắc:

- Tích hợp các tiêu chí kỹ năng 2.1 và 2.2 để tính điểm trung bình số học trong đó không có 1 tiêu chí kỹ năng nào có điểm dưới 50. Điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phương pháp công tác là 65.

- Điểm chuẩn kỹ năng công cụ 2.3 được tính riêng từng tiêu chí với điểm chuẩn là 70.

Sinh viên đảm bảo đạt các điểm chuẩn kỹ năng chuyên môn; phương pháp công tác và công cụ trên sẽ được cấp Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của trường.

3. Đạt chuẩn về thái độ; hành vi

Để chuẩn bị cho đạt chuẩn hành vi sau tốt nghiệp; trong thời gian khoá học; sinh viên phải rèn luyện và đáp ứng các tiêu chí thái độ; hành vi sau (*vận dụng theo Quy chế rèn luyện sinh viên của BGD&ĐT ban hành*):

Các tiêu chí cơ bản		Điểm chuẩn (Thang 100 điểm)
1	ý thức vượt khó vươn lên trong học tập	20/30
2	ý thức và kết quả chấp hành nội quy; quy chế và khả năng thích nghi với môi trường GD&ĐT trong nhà trường	15/25
3	ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội	12/20
4	Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng	8/15
5	ý thức và kết quả tham gia công tác tập thể (Teamwork trong lớp hành chính; lớp học phân; nhóm thảo luận; chi đoàn; chi hội và tổ chức khác trong trường	5/10

Điểm chuẩn thái độ hành vi 60/100 (đến 2012); 70/100 (đến 2016)

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn chất lượng sẽ được cấp Bằng Cử nhân Tiếng Anh; Chứng nhận Sổ học tập đã tích lũy đủ tín chỉ và điểm rèn luyện theo chương trình đào tạo của

chuyên ngành Tiếng Anh thương mại; Chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng của Trường đại học Thương mại.

4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Tiếng Anh thương mại của Trường đại học Thương mại có thể:

4.1 Làm việc phù hợp và tốt (đúng ngành; đúng nghề)

- Bộ phận nghiệp vụ bán hàng (xuất nhập khẩu) và dịch vụ khách hàng;
- Bộ phận xúc tiến thương mại quốc tế; đầu tư quốc tế;
- Bộ phận phát triển thị trường và khách hàng sử dụng tiếng Anh;
- Bộ phận hoạch định chiến lược; chính sách và kế hoạch kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp;
- Bộ phận phát triển hệ thống (kênh và mạng) phân phối khu vực và quốc tế;
- Bộ phận PR;
- Các công việc R&D khác.

4.2 Làm việc được (đúng ngành)

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận nghiệp vụ như trên sử dụng tiếng Pháp hoặc tiếng Trung ở các doanh nghiệp và các tổ chức

4.3 Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hoá; dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ.
- Các bộ phận nghiệp vụ xuất nhập khẩu ở các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh
 - Các bộ phận R&D sử dụng tiếng Anh ở các tổ chức kinh tế; tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu; các trường trung học nghề; cao đẳng; đại học.
 - Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại nước ngoài ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Bách Khoa